

NGƯỜI VIỆT DI CƯ VÀ CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT Ở LIÊN XÔ CŨ VÀ ĐÔNG ÂU*

Sergey Ryazantsev Vasilevich¹
Pishen Elena Evghenevna²
Nicholay Grigory Kuznetsov³

1. Số lượng và sự phân bố của các cộng đồng người Việt Nam.

Theo các nhà chức trách Việt Nam, hiện có khoảng 4,6 triệu người Việt định cư ở hầu như tất cả các châu lục tại 110 quốc gia trên toàn thế giới. Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (CĐNVNONN) chủ yếu định cư ở các nước phát triển, khoảng 80%. Hầu hết CĐNVNONN (35%) sống ở châu Mỹ và chủ yếu ở Mỹ và Canada. Khoảng một phần ba định cư ở châu Âu, chủ yếu là ở Pháp, Đức và Anh. Ở châu Á (ngoài Việt Nam) - 24%, chủ yếu ở Thái Lan, Campuchia, Đài Loan, Trung Quốc và Nhật Bản. Ở Úc và Châu Đại Dương khoảng 8%.

Như vậy, CĐNVNONN có hầu hết các nơi trên thế giới trừ châu Phi vẫn chưa trở thành một trung tâm lớn định cư của người Việt Nam hải ngoại như ở các châu lục khác. (Xem hình 1)

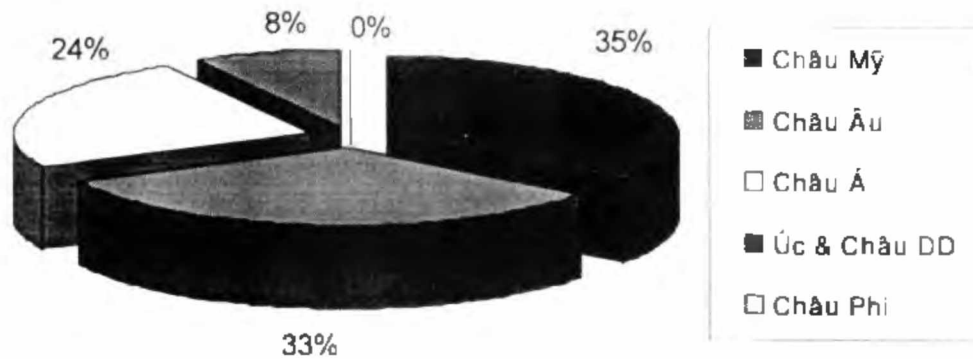
CĐNVNONN định cư chủ yếu ở các quốc gia như: Hoa Kỳ (2,230 triệu), Pháp (300 nghìn), Úc (300 nghìn), Canada (200 nghìn), Đức (120 nghìn), Cam-pu-chia và Thái Lan (120 nghìn)⁴. Trong tất cả các nước Liên Xô cũ trước đây đã có ít nhất

* Nghiên cứu được tiến hành bởi Dự án № 10-03-00912 RHF /V

1. GS.TSKH. Viện sĩ Thông tấn, Giám đốc Trung tâm Dân số học xã hội và xã hội học kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga.
2. TSKH. PGS. NCVCC Trung tâm Dân số học xã hội và xã hội học kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga
3. TS. NCVCC Trung tâm Dân số học xã hội và xã hội học kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga.
4. Bộ Ngoại giao Việt Nam: Hội nghị lần thứ 2 của người Việt Nam ở nước ngoài, "Tầm nhìn năm 2020 - hội nhập của cộng đồng người Việt Nam ở các nước khác trong quá trình phát triển" (Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài thuộc Bộ Ngoại giao trình bày). Hiện nay có hơn 4,5 triệu người Việt Nam sinh sống tại hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Khoảng 500.000 người Việt Nam định cư ở nước ngoài trở về nhà mỗi năm, bao gồm nhiều chuyên gia, trí thức và doanh nhân".

từ 350 đến 400 ngàn người Việt Nam. Theo điều tra dân số năm 2002 của Liên bang Nga, có 26 ngàn người Việt, mặc dù con số này thực sự cao hơn rất nhiều và chúng tôi ước tính lên đến 100-150 ngàn người¹.

Hình 1: Sự phân bố NVNONN ở các lục địa (%)



Nguồn: TS. Nguyễn Cảnh Toàn - Dự án № 10-03-00912 RHF / V

Hiện nay, hầu hết người Việt Nam sống và làm việc tại Moscow, khu vực Stavropol, Bashkortostan, Volgograd, Sverdlovsk, Khabarovsk và các khu vực khác của Nga. Tại thủ đô, người Việt Nam đã xuất bản các báo và tạp chí bằng tiếng Việt, có một kênh vệ tinh Việt Nam VTV4. Các chương trình truyền hình phát sóng bằng tiếng Việt cho người Việt đang sống ở Nga. Hầu hết người Việt Nam hoạt động trong các lĩnh vực như: thương mại, nông nghiệp, dịch vụ, sản xuất. Phần lớn người Việt sống và làm ở Nga đến nước Nga từ miền Bắc Việt Nam.

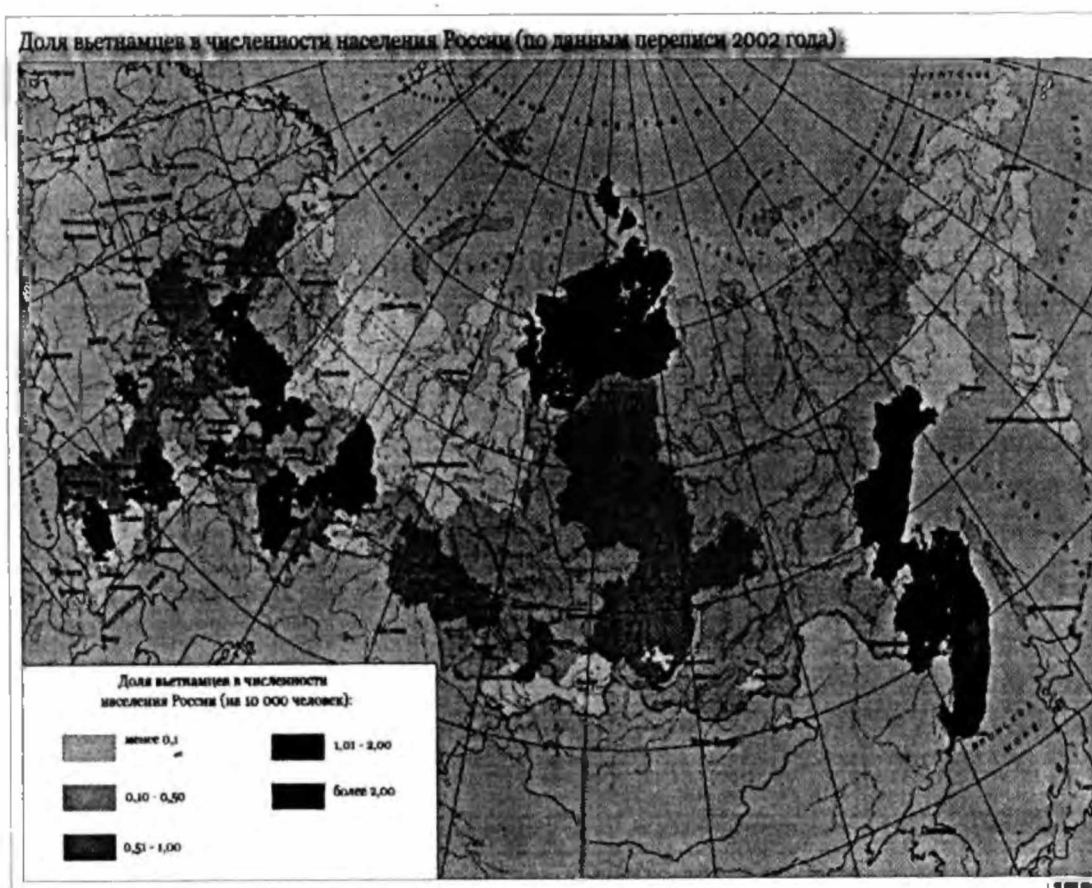
Ở châu Âu, phần lớn cộng đồng người Việt tập trung ở Đông Âu lên đến 272,32 nghìn người. Con số khó có thể hoàn toàn chính xác trong việc đánh giá so với các ấn phẩm trước đây do thực tế các số liệu thống kê của nhiều quốc gia ở Đông Âu không đầy đủ, một phần của Việt Nam "che kín" quá trình hội nhập, đặc biệt là nhập quốc tịch. Nghiên cứu cho thấy, nhiều người Việt Nam đã nhập được quốc tịch trong những năm gần đây, tức là quốc tịch cư trú. Các quá trình nhập tịch

1. Ryazantsev S.V. và Kuznetsov N.G. Di cư từ Việt Nam sang Nga: Xu hướng và sự điều chỉnh // Di cư ở Nga hiện nay: Thực trạng, những vấn đề và xu hướng// *Tuyển tập các bài báo khoa học: thu thập các bài báo* // Chủ biên: Konstantin Romodanovsky, M.L.Tyurkina. - Mátxcova, FMS Liên bang Nga, 2009. - Trang. 239.

Kuznetsov NG Người di cư Việt Nam tại Nga / Tạp chí *Журнал "Народонаселение"* / Population / № 4, năm 2008. - Trang 83.

diễn ra khá nhiều ở Hungary, Cộng hòa Séc và Ba Lan. Vì vậy, nếu chúng ta xem xét cùng người Việt Nam, những người đang định cư ở các giai đoạn khác nhau của hội nhập tại các nước Đông Âu, các ước tính về số lượng của họ nên làm rõ một chút so với giai đoạn đầu của dự án. Chúng tôi tin rằng ở Đức (120 nghìn người, chủ yếu là định cư ở Đông Đức (GDR), được hình thành từ hợp tác lao động giữa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Đức trước đây. Cộng hòa Séc có 61,82 nghìn, Ba Lan - không ít hơn 20 nghìn, Áo - 7 nghìn 5,5 nghìn, Hungary - 4 nghìn, Xi-lô-va-ki-a - khoảng 5 nghìn, Bungari - 1 nghìn Ruman - 0,5 nghìn. Đây là những con số mới nhất được Ủy ban người Việt Nam ở nước ngoài của Bộ Ngoại giao Việt Nam công bố tháng 9 năm 2012 tại Hội nghị người Việt Nam ở nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh¹

Hình 2: Phân bố người Việt Nam ở Nga

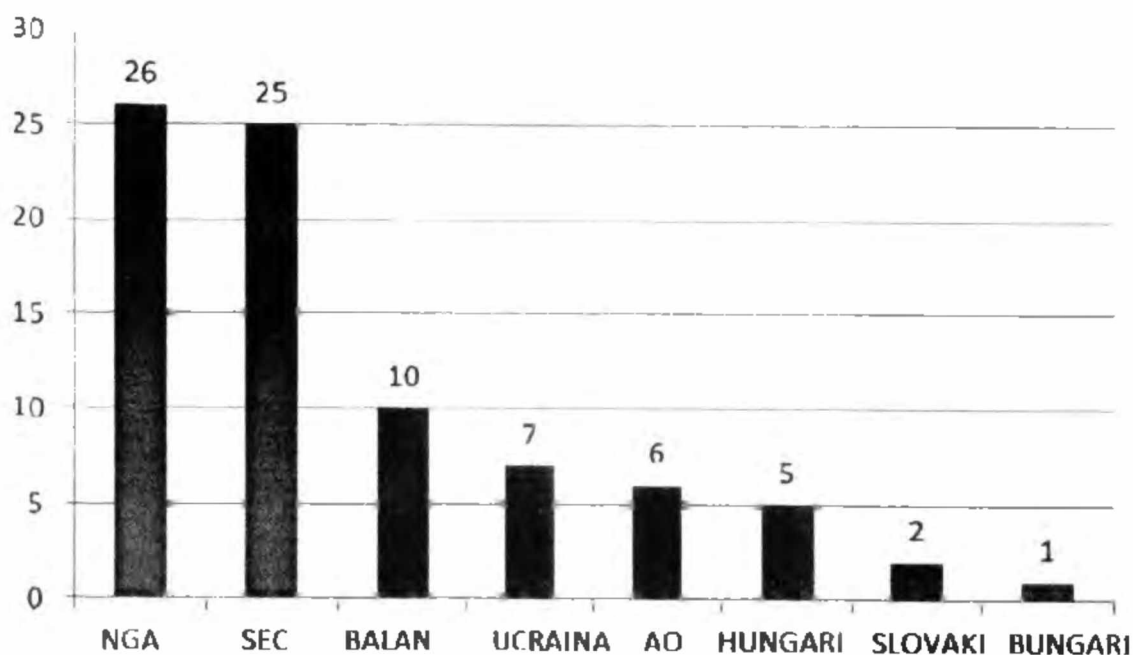


Nguồn: Số liệu điều tra dân số năm 2002 của Tổng cục Thống kê Liên bang Nga

1. "Người Việt Nam ở nước ngoài". <http://vietkiu.vietnamplus.vn/>

<http://vietkiu.vietnamplus.vn/VN/258/Que-huong-voi-kieu-bao/Hoi-nghi-nguoi-Viet-Nam-o-nuoc-ngoai-lan-thu-hai/18582.vnp>

Hình 3: Số lượng người Việt Nam ở các nước Trung Âu & Đông Âu, 2010/nghìn người



2. Cơ cấu nhân khẩu - xã hội của cộng đồng người Việt ở Đông Âu

Cộng đồng người Việt Nam ở Đông Âu chủ yếu là nam thanh niên và tuổi trung niên, là đội ngũ đang sung sức và năng động, có khuynh hướng làm kinh doanh, lại có học vấn do đó đã hội nhập thành công ở các nước chủ nhà. Cộng đồng người Việt ở Đông Âu là một tập hợp, kết nối phức tạp, bao gồm đại diện của các tầng lớp xã hội, có nhiều yếu tố khác nhau: nhận thức chính trị, nhóm nghề nghiệp, cộng đồng tôn giáo, cộng đồng dân tộc thiểu số. Đặc trưng của cộng đồng người Việt ở Đông Âu là không phải là tất cả hội nhập thành công. Những lý do chính của việc này là những vấn đề về tình trạng pháp lý của họ (đặc biệt ở thời kỳ Liên Xô cũ). Do sự sụp đổ của Liên Xô và "khôì xã hội chủ nghĩa" nhiều người Việt Nam mất cơ hội để tìm hiểu công việc và làm việc tại nước sở tại. Nhiều người không có phương tiện sinh kế. Các nước Đông Âu, Nga và một số nước CIS (Commonwealth of Independent States) đã thất bại trong việc tổ chức hội hương cho các lao động Việt Nam trở về. Kết quả là, nhiều người Việt Nam đã bị từ chối đăng ký hộ khẩu ở các quốc gia mới, trong đó có việc tước đi của họ về khả năng cư trú hợp pháp và họ bị buộc phải trả tiền hối lộ cho cảnh sát để có thể tồn tại làm ăn. Trong tình huống này, nhiều người di cư Việt Nam đã buộc phải thay đổi nghề nghiệp của họ được đào tạo và buộc phải "nhảy" vào thị trường thương mại, gia nhập hàng ngũ của những người nhập cư bất hợp pháp. Kết quả là, hơn hai mươi năm qua ở Nga và

Đông Âu, thậm chí hình thành định kiến rằng người Việt Nam - là thương nhân chỉ trên thị trường và đó là những người di cư bất hợp pháp mà không có giấy phép lao động, v.v...

Hiện nay, ước tính rằng 500 ngàn người trong cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài có trình độ học vấn cao hơn. Số lượng lao động có trình độ cao, các chuyên gia và trí thức ở nước ngoài hiện khoảng 300 nghìn người. Nhiều người Việt Nam giữ vị trí quan trọng trong chính phủ, các thành viên của quốc hội, phục vụ trong quân đội, hải quân, cảnh sát, làm việc trong các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, bệnh viện, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế tại nhiều quốc gia. Nhiều NVNONN đã nhận học vị tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, là giáo sư, phó giáo sư có trình độ cao về trình độ chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ, kinh tế... và là những nhân vật nổi bật của văn hóa và khoa học. Chuyên môn cơ bản, chuyên nghiệp và khoa học của người Việt hải ngoại không chỉ tập trung ở phương Tây mà còn ở Nga, SNG và Đông Âu.

Các thế hệ mới của trí thức Việt Nam ở Bắc Mỹ, Tây Âu và Úc trong nhiều lĩnh vực của khoa học, công nghệ, công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, vật liệu mới, kỹ thuật, điều khiển học, sinh học, quản trị kinh tế, thị trường chứng khoán và khác ngành công nghiệp. Nhiều trí thức Việt Nam ở nước ngoài là là chiếc "cầu" kết nối các quốc gia với Việt Nam. Họ tiếp thu công nghệ tiên tiến của thế giới, mở rộng quan hệ kinh tế nước ngoài và tích cực tham gia quá trình toàn cầu hóa. Nhiều người trong số họ đã đạt được đỉnh cao tuyệt vời và thành công trong nghiên cứu khoa học, ở các trường đại học, bệnh viện, nhà máy, trong các cơ sở văn hóa và ở các tổ chức quốc tế.

Cũng cần lưu ý rằng, mặc dù sự phân bố của CĐNVNONN trên một phạm vi rộng về địa lý, nhưng họ có mối quan hệ chặt chẽ với quê hương của mình. Điều này sẽ giúp Việt Nam một cách nhanh chóng và thành công trong phát triển và hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Lượng kiều hối gửi về Việt Nam, tăng trưởng ở mức 10-15% mỗi năm. Đây là một đóng góp đáng kể cho công cuộc xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy phát triển kinh tế. Điều thú vị cần lưu ý rằng, trong năm 2010, khoảng 500 nghìn người nước ngoài, trong đó có 300 chuyên gia và trí thức từ nước ngoài về làm việc tại Việt Nam theo những phương thức khác nhau. Hàng chục ngàn người đang đầu tư vào nền kinh tế Việt Nam. Hiện nay (2012) tại Việt Nam hơn 3,5 nghìn dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn 8,4 tỷ đô la Mỹ.

Vấn đề hội nhập vào xã hội sở tại, CĐNVNONN không phải lúc nào cũng giải quyết vấn đề này một cách suôn sẻ. Đôi khi CĐNVNONN sống khá khép mình, chậm hòa nhập và thích nghi ở quốc gia mới cư trú. Đây quả là một vấn đề cần lưu

ý, đặc biệt là đối với các quốc gia trong quá trình chuyển đổi (transitive) nền kinh tế đã trải qua những biến động lớn về kinh tế - xã hội và chính trị. Nhân tố khách quan này đã cản trở sự hội nhập của người Việt di cư. Ví dụ, nhiều người Việt Nam ở các nước có nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi, chẳng hạn như các thay đổi trong hệ thống chính trị, đã chuyển biến từ các lao động di cư hợp pháp thành trong người di cư không thường xuyên hoặc không hợp pháp. Từ những biến đổi bất lợi đó, nhiều người đã buộc phải bắt đầu kinh doanh theo riêng của họ hoặc thay đổi phạm vi công việc để phù hợp với tình hình mới, thực tiễn mới của nước sở tại đang trong quá trình giao thời chuyển đổi.

3. Sự hội nhập của cộng đồng người Việt ở Đông Âu

3.1. Các phương diện hội nhập

Có 4 phương diện thành phần của việc người Việt Nam hội nhập ở nước sở tại.

Thành phần thứ nhất, những người hội nhập hoàn toàn, nghĩa là họ đã được nhập quốc tịch, trở thành công dân của nước sở tại, không bị hạn chế về di chuyển trong nước, có quyền biểu quyết, bầu cử, ứng cử với sự hiện diện là tư cách công dân chính thức của quốc gia mà họ đã hội nhập.

Thành phần thứ hai, hội nhập kinh tế, nghĩa là họ tiếp cận việc làm, nâng cao thu nhập truy cập vào các lợi ích xã hội, thực hiện các tiềm năng kinh doanh, tài sản mua lại và bán quyền tài sản...

Hội nhập kinh tế là trung tâm cấu trúc của sự tích hợp tổng thể, bởi vì những gì thuộc về vị trí kinh tế - xã hội và mức độ thu nhập... người di cư phụ thuộc phần lớn vào sự thành công tổng thể của nó. Các tham số kinh tế của sự hội nhập có thể với độ chính xác cao hơn nếu như nhiều tiêu chí có được một số liệu thống kê chính thức.

Thành phần thứ ba, hội nhập môi trường, thích ứng với khí hậu và điều kiện tự nhiên và địa lý. Trong trường hợp của Việt Nam, khía cạnh này của hội nhập là một đặc điểm cần lưu ý bởi từ Việt Nam đến các quốc gia khác có điều kiện khí hậu khác nhau về cơ bản ở Đông Âu.

Thành phần thứ tư, hội nhập về tâm lý - xã hội, trình độ học vấn, tiếp cận tri thức của nền giáo dục và thông thạo ngôn ngữ chính của nước cư trú. Ngoài ra, hội nhập về tôn giáo, tín ngưỡng - sự tồn tại hay không tồn tại về tôn giáo hay thuần giữa người di cư và dân địa phương trên cơ sở của lòng tin về tôn giáo. Ngoài ra, còn vấn đề hội nhập văn hóa, sẵn sàng tìm hiểu và áp dụng văn hóa của người dân địa phương. Trong quá trình nghiên cứu khảo sát, điền dã đã phỏng vấn 18 chuyên

gia ở Nga, Ukraina, Cộng hòa Séc, Ba Lan và Hungary. Mục đích của nghiên cứu là các chuyên gia đánh giá mức độ hội nhập của người Việt di cư vào xã hội sở tại. Trong số người trả lời là từ các cộng tác viên thống kê và mô hình di cư, các nhà khoa học, người đứng đầu của các tổ chức và doanh nhân Việt Nam. Họ được hỏi để đánh giá trên thang điểm sáu yếu tố của sự hội nhập của người Việt Nam trong năm quốc gia. Đối với mỗi thành phần của sự tích hợp của đề xuất thiết lập các thông số có tiến hành đánh giá. Trên cơ sở các câu trả lời của các chuyên gia được xác định điểm trung bình cho mỗi người trong số sáu thành phần tích hợp cho mỗi hồ sơ chuyên môn và trung bình cho mỗi tham số cho tất cả các chuyên gia. Tiếp theo, họ đã tính toán tổng số đánh giá mức độ hội nhập cho mỗi trong ba nhóm. Kết quả cuối cùng được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1: Các đánh giá chuyên môn của sự hội nhập của người Việt Nam trong CIS và Đông Âu (mức độ tối đa của hội nhập - 10 điểm, mức độ hội nhập tối thiểu - 1 điểm)

	Nga	Ucraina	Cộng hòa Séc	Hungary	Ba Lan
Hội nhập hoàn toàn, nghĩa là họ đã được nhập quốc tịch, trở thành công dân của nước sở tại, không bị hạn chế về di chuyển trong nước, có quyền biểu quyết, bầu cử, ứng cử	6	4	10	10	7
Hội nhập kinh tế, nghĩa là họ tiếp cận việc làm, nâng cao thu nhập truy cập vào các lợi ích xã hội, thực hiện các tiềm năng kinh doanh, tài sản mua lại và bán quyền tài sản	7	5	9	8	5
Hội nhập môi trường, thích ứng với khí hậu và điều kiện tự nhiên và địa lý.	6	7	7	8	7

Hội nhập về tâm lý - xã hội, trình độ học vấn, tiếp cận tri thức của nền giáo dục và thông thạo ngôn ngữ chính của nước cư trú.	5	4	9	9	7
Hội nhập tôn giáo	8	7	8	8	7
Hội nhập văn hóa	8	7	7	7	6
Đánh giá tổng hợp mức độ hội nhập	40	34	50	50	39

Nghiên cứu chỉ ra rằng sự hội nhập thành công nhất ở Đông Âu của người Việt Nam là ở Cộng hòa Séc và Hungary. Điểm số dựa trên một cuộc khảo sát của các chuyên gia là 50 điểm trong tổng số 60. Họ đã ghi được điểm tối đa cho sự hội nhập kinh tế và dân sự. Cần lưu ý rằng, những năm gần đây các nước Đông Âu đã thay đổi đáng kể trong chính sách của chính phủ đối với người Việt Nam. Chính sách Nhà nước tại Cộng hòa Séc và Hungary, đã dẫn đến sự cần thiết cho hội nhập của xã hội Việt Nam thông qua sự phát triển của doanh nghiệp địa phương, phát triển các chương trình hội nhập. Và, như nghiên cứu cho thấy, nó đã cho kết quả hội nhập hiện nay ở hai quốc gia này. Ở Hungary và Cộng hòa Séc, nhiều công dân Việt Nam nhận được quyền công dân ở các nước chủ nhà. Hầu hết người Việt Nam ở Hungary và Cộng hòa Séc không chỉ cần có giấy tờ di trú hợp pháp nữa mà mục tiêu của họ là trở thành công dân nước sở tại.

Sự thành công của hội nhập kinh tế quốc tế có liên quan tới xu hướng nỗ lực trong các hoạt động kinh doanh, trình độ chuyên môn cao và tiếp cận với thị trường lao động của người Việt Nam ở đây.

Thành công ít hơn nhiều là sự hội nhập của người Việt Nam tại Nga và Ukraine. Một trong những nguyên nhân quan trọng là chế độ, chính sách còn nhiều hạn chế lại không ổn định và quan liêu. Trong việc thực thi chính sách đối với dân di cư nói chung và từ châu Á nói riêng còn nhiều biểu hiện tiêu cực. Đánh giá hội nhập của người Việt ở Nga là 40 điểm và Ukraina - 34 điểm.

Từ Trung và Đông Âu, hội nhập thành công nhất của người Việt Nam có thể được xem xét ở Hungary. Hiện nay, dòng người di cư Việt Nam ở Hungary là khoảng 5 ngàn người, hầu hết người Việt Nam có giấy tờ nhập cư hợp pháp. Lịch sử của quan hệ Việt Nam - Hungary có trên sáu mươi năm (ngày 3/3/1950 Việt

Nam và Hungary thiết lập quan hệ ngoại giao). Người Việt Nam đầu tiên đến Hungary như là một phần của một thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực giáo dục, văn hóa và lao động giữa hai nước. Hầu hết trong số họ là sinh viên, sinh viên tốt nghiệp, thực tập sinh, nghiên cứu sinh. Mỗi năm đến Hungary để nghiên cứu có khoảng 40 sinh viên và 20 sinh viên tốt nghiệp của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (cũ) và Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (hiện nay). Năm 1980, một thỏa thuận đã được ký kết về quan hệ lao động giữa Hungary và Việt Nam, đã có hàng trăm người đến Hungary để nhận đào tạo nghề và hợp tác lao động.

Sau khi tốt nghiệp, bảo vệ luận án, hết thời hạn đào tạo, lao động hợp tác, nhiều người Việt Nam đã ở lại Hungary. Vào những năm 1990. Người di cư trong Hungary Việt Nam mở rộng với số di dân mới. Họ đã sang Hungary để thăm người thân và đoàn tụ gia đình và những người khác đến để mở các công ty thương mại. Người Việt Nam sống và làm việc chủ yếu ở Budapest, một số ở Szeged, thành phố khác như Debrecen... Có thể nói rằng những người di cư Việt Nam tại Hungary đã được hội nhập thành công. Thành công này có nguyên nhân của nó, đó là trình độ học vấn cao của người di cư, tình trạng pháp lý hợp pháp của họ, chính sách, thủ tục nhập cư tuy phức tạp nhưng minh bạch...

3.2. Những nhân tố tác động đến sự hội nhập của người Việt ở Đông Âu

Quá trình hội nhập của người Việt Nam là một quá trình lâu dài và diễn ra trên nhiều mặt, trong đó bao gồm kinh tế, văn hóa, xã hội và nhiều khía cạnh khác. Trên sự thành công của người Việt Nam trong xã hội mới ảnh hưởng đến một số yếu tố cần được xem xét bởi những người di cư và của nước sở tại. Mặc dù tầm quan trọng của các thành phần kinh tế của hội nhập, quan trọng không kém là những yếu tố khác, đó là trong suốt thời gian ở các nơi mới cư trú. mô hình định cư và số lượng người nhập cư và mức độ giáo dục và tình hình kinh tế - xã hội của những người nhập cư, tôn giáo, cộng đồng dân tộc thiểu số, nhận thức bản địa hội nhập của người nhập cư, các tình trạng pháp lý của người lao động di cư, v.v...

Rõ ràng, tác động của các xu hướng của những yếu tố chủ quan và khách quan đã có các tác động đáng kể đến diện mạo quá trình hội nhập và cư trú của người Việt Nam ở các nước nêu trên. Đặc biệt, "sự cởi mở, sự chân thành", mức độ "sẵn sàng" của việc đối thoại Việt Nam và giao tiếp chắc chắn sẽ đóng góp cho sự hội nhập nhanh chóng và thành công vào xã hội mới, nó giúp cho cộng đồng người Việt ở đây vượt qua sự cô lập và ngăn chặn cho một số biểu hiện không thân thiện từ phía người dân địa phương và cuối cùng, nó đóng góp tích cực vào quá trình hội nhập.

Đồng thời, cần lưu ý là bất kỳ tác động của "bên ngoài môi trường", hoặc xã hội xung quanh (dân cư hoặc nhà nước), là quá trình tương tác giữa các nền văn hóa hoặc hoặc sự nỗ lực thông qua chính sách di trú cũng có thể có tác động trở lại về sự hội nhập của người nhập cư và người dân tộc thiểu số trong xã hội mới. Kinh nghiệm của nhiều nước phát triển cho thấy rằng việc hợp pháp hóa tình trạng hiện hữu và nhập tịch của người di cư và không hạ thấp tất cả các yêu cầu đòi hỏi, nhưng nhưng chủ yếu là thúc đẩy sự hội nhập của người di cư đến nơi mới

Nhân tố đầu tiên - Độ dài thời gian lưu trú ở nơi cư trú mới

Xác định khung thời gian thời gian chính xác của quá trình hội nhập của người di cư vào xã hội mới cho họ là khó khăn và có lẽ không thể. Rõ ràng, bạn phải thay đổi ít nhất một vài thế hệ cho một sự đồng hóa thành công và đầy đủ của những người nhập cư. Tuy nhiên, trong khi trẻ em của những người nhập cư đến sớm với cha mẹ, hoặc đã được sinh ra trong đất nước của nơi cư trú, thường đã được xác định với các công dân của nhà nước mới, họ vẫn thường nói các ngôn ngữ bản địa của cha mẹ, có một ý tưởng chung về các truyền thống và nền văn hóa. Trẻ em của những người nhập cư là một số nhóm chuyển giao, được đặc trưng bởi một sự lưỡng tính văn hóa xã hội. Một mặt, họ giữ lại các "dân tộc" bộ nhớ một cách vô thức giữ truyền thống riêng biệt trong cuộc sống hàng ngày của họ và đôi khi nói các ngôn ngữ bản địa của cha mẹ, nhưng mặt khác thường nào không xem xét bản thân mình để được đại diện của đất nước, trong đó có là cha mẹ. Đây là một quá trình tự nhiên xảy ra như là một khoảng cách thế hệ có thể được gọi là một quá trình phát triển kinh tế - văn hóa "làm mờ" hoặc "giải thể" mà dường như chỉ vừa mới thống nhất (monolith). Một ví dụ tốt là F.Rosler, sinh ra tại Việt Nam, nhưng thông qua bởi công dân của Đức, đã trở thành Bộ trưởng của nền kinh tế Đức.

Nhân tố thứ hai - Đặc tính tái định cư của người Việt

Người Việt thường sống và làm việc tập trung ở một số nơi nhất định, dường như dễ cộng đồng nương tựa vào nhau, giúp họ cảm thấy tự tin hơn trong xã hội mới. Mặt khác, đặc trưng này có thể do địa vị xã hội và học vấn thấp, thiếu tiền để mua nhà ở mà thường phải thuê ở tập thể trong các ký túc xá. Tuy nhiên, điều này làm chậm quá trình hội nhập của họ vào xã hội mới. Nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tỷ lệ nghịch giữa trình độ học vấn và mức độ tập trung của người Việt Nam. Trình độ học vấn càng cao, thì càng ít tập trung trong một khu vực.

Số lượng của các chuyên gia Việt Nam có trình độ ở nước ngoài hiện nay khoảng 300 nghìn người. Nhiều người Việt Nam giữ vị trí quan trọng trong chính phủ, các thành viên của quốc hội, phục vụ trong quân đội, hải quân, cảnh sát, làm việc trong các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, bệnh viện, các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế tại nhiều quốc gia khác nhau.

Nhân tố thứ ba - Điều kiện sinh thái và địa lý

Dưới góc độ này cần phải hiểu, rằng họ phải làm quen với những điều kiện khí hậu nơi mới, các điều kiện hỗ trợ, bao gồm cấp đất cho người di cư, tạo lập điều kiện môi trường sống ở những nơi cư trú mới. Vai trò của yếu tố này trong hội nhập của người Việt Nam khá quan trọng vì nó trực tiếp quyết định tình trạng sức khỏe của họ.

Sự hội nhập của người nhập cư từ Việt Nam đến nơi mới thì rõ ràng các điều kiện khí hậu khắc nghiệt hơn ở quê hương của họ (ít nhất là trong thế hệ đầu tiên).

Nhân tố thứ tư - Tỷ lệ giao tiếp đa văn hóa và văn hóa trong nội bộ

Thành công của quá trình hội nhập phụ thuộc vào mối quan hệ qua lại nảy sinh từ các cộng đồng nhập cư với nhau hoặc cư dân bản địa xung quanh. "Sự cởi mở" của cộng đồng rõ ràng góp phần tiếp xúc, hội nhập tốt hơn trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa. Ở Nga, cộng đồng thường sống khép kín, ít tiếp xúc, giao tiếp đã hạn chế không nhỏ và làm chậm quá trình hội nhập của người di cư. Tại Cộng hòa Séc và Hungary, cộng đồng người Việt Nam cởi mở hơn và do đó họ hội nhập nhiều hơn vào xã hội địa phương.

Nhân tố thứ năm - "Khoảng cách" văn hóa và cộng đồng

Ngôn ngữ và văn hóa chung thường xác định hướng di cư và sự thành công của sự hội nhập của người nhập cư vào xã hội mới.

Nhân tố thứ sáu - Tôn giáo, cộng đồng dân tộc thiểu số - đóng một vai trò thiết yếu trong hội nhập của người di cư

Tôn giáo giống nhau hoặc gần với của đại đa số người dân bản địa của đất nước làm cho người nhập cư hòa nhập nhanh hơn vào xã hội trong lĩnh vực của nơi cư trú mới.

Nhân tố thứ bảy - Tình trạng pháp lý của người Việt Nam

Một số người di cư không có cơ hội để hợp thức hoá tình trạng pháp lý của mình và có được nhập cư chính thức. Chính vì vậy, họ có rất nhiều khó khăn, phức tạp trong vấn đề hội nhập vào xã hội mới. Tình trạng này dễ thấy ở Nga và Ukraina.

Nhân tố thứ tám - Tiếp cận với thị trường lao động và tình hình kinh tế - xã hội của người Việt Nam

Một công việc xác định mức thu nhập và địa vị xã hội của người di cư ở nơi cư trú mới là rất quan trọng cho việc hội nhập. Hiệu quả của tìm kiếm việc làm phụ thuộc lần lượt vào nhiều yếu tố như trình độ học vấn, kỹ năng, có chỗ làm việc, phát triển cơ sở hạ tầng của thị trường lao động... những vấn đề này được giải quyết

thành công hơn cho người Việt Nam tại Cộng hòa Séc và Hungary và ít thành công ở Ukraine.

Vấn đề hội nhập vào xã hội sở tại, cộng đồng người Việt Nam không phải lúc nào cũng giải quyết một cách an toàn. Đây là một vấn đề, đặc biệt là đối với các quốc gia trong quá trình chuyển đổi (transitive) của nền kinh tế, phải trải qua những chuyển đổi kinh tế - xã hội và chính trị to lớn, điều này cản trở không nhỏ cho sự hội nhập của người Việt di cư. Đây là vấn đề đặc biệt liên quan đến các nước Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG)/CIS, nơi hội nhập của người Việt Nam là kém thành công hơn cả ở Đông Âu.